

Số: 1357/QĐ-PVNDB

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ

**“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”**

GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-DKVN ngày 20/9/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lộc dầu Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-PVNDB ngày 18/06/2020 của Giám đốc Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lộc dầu Nghi Sơn về việc phê duyệt và ban hành quy trình mua sắm hàng hóa dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên của Chi nhánh Phân phối sản phẩm lộc dầu Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-DKVN ngày 28/01/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc giao Kế hoạch hoạt động năm 2021 cho Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lộc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVNDB);

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-PVNDB ngày 14/9/2021 của Giám đốc Chi nhánh về việc Ủy quyền tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp và ký kết hợp đồng dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”;

Căn cứ Phiếu đề xuất cung cấp hàng hóa, dịch vụ số 184/PĐX-KTKH ngày 14/9/2021 của Phòng Kinh tế Kế hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-PVNDB ngày 16/9/2021 về việc Phê duyệt Phạm vi công việc và Dự toán gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-PVNDB ngày 16/9/2021 về việc Thành lập Tổ mua sắm và Tổ thẩm định gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”;

Căn cứ Tờ trình Kế hoạch mua sắm số 01/KHMS-TMS-(QĐ 1330) ngày 16/9/2021 và Báo cáo thẩm định Kế hoạch mua sắm số 01/KHMS-TTĐ-(QĐ 1330) ngày 17/9/2021;



Căn cứ Quyết định số 1337/QĐ-PVNDB ngày 17/9/2021 về việc Phê duyệt Kế hoạch mua sắm gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”;

Căn cứ Tờ trình Hồ sơ yêu cầu số 02/HSYC-TMS-(QĐ 1330) ngày 20/9/2021 và Báo cáo thẩm định Hồ sơ yêu cầu số 02/HSYC-TTĐ-(QĐ 1330) ngày 23/9/2021 của Tổ thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” như tại **Phụ lục** đính kèm.

Điều 2: Các thành viên Tổ mua sắm, Tổ thẩm định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

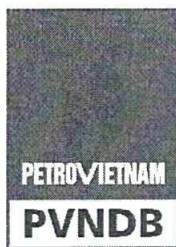
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, KTKH.

**KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Chí Kiên



HỒ SƠ YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1357/QĐ-PVNDB ngày 23/9/2021)

GÓI DỊCH VỤ:

“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”

**BÊN TỔ CHỨC MUA SẮM
CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

MỤC LỤC

| | |
|----------------|----------------------------|
| PHẦN THỨ NHẤT: | HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THAM GIA |
| PHẦN THỨ HAI: | PHẠM VI CUNG CẤP |
| PHẦN THỨ BA: | CÁC BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN |
| PHẦN THỨ TƯ: | DỰ THẢO HỢP ĐỒNG |

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|------|-------------------------------|
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu |
| HSTD | Hồ sơ tham dự |
| DVTV | Dịch vụ tư vấn |
| ĐXKT | Đề xuất về kỹ thuật |
| ĐXTM | Đề xuất về thương mại |
| TCĐG | Tiêu chuẩn đánh giá HSTD |
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| VND | Đồng Việt Nam |

PHẦN THỨ NHẤT: HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THAM GIA

Mục 1. Thông tin chung

- Đơn vị mua sắm: Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Phạm vi công việc và yêu cầu về hàng hóa/dịch vụ: nêu tại Phần II của HSYC;
- Nguồn vốn: Nguồn chi phí sản xuất kinh doanh của Chi nhánh năm 2021;
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng.

Mục 2. Nội dung HSTD

Nhà cung cấp chuẩn bị HSTD với các nội dung về năng lực kinh nghiệm, đề xuất kỹ thuật và đề xuất thương mại phù hợp với phạm vi công việc, cụ thể như sau:

2.1 Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc Quyết định thành lập;
- Thỏa thuận liên danh (nếu có).

2.2 Tài liệu hồ sơ đề xuất kỹ thuật: bao gồm các tài liệu:

- Báo cáo tài chính của 03 (ba) năm tài chính gần nhất;
- Thư đăng ký tham dự – Theo Mẫu số 1
- Thỏa thuận liên danh – Theo Mẫu số 2
- Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp – Theo Mẫu số 3
- Đề xuất kỹ thuật – Theo Mẫu số 4

2.3 Tài liệu hồ sơ đề xuất thương mại

- Thư đề xuất thương mại – Theo Mẫu số 5
- Đề xuất chi tiết về kinh phí – Theo Mẫu số 6

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
4. Các nhà cung cấp có tên trong danh sách ngăn không được liên danh với nhau để tham dự;
5. Nhà cung cấp phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với PVNDB và các nhà cung cấp khác như sau:
 - Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;

- Không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Mục 4. Chi phí tham dự

Nhà cung cấp chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia gói dịch vụ, kể từ khi nhận HSYC từ Bên mời tham gia cho đến khi ký hợp đồng.

Mục 5. Làm rõ HSYC

Trường hợp nhà cung cấp muốn được làm rõ về nội dung HSYC thì phải gửi văn bản đề nghị đến địa chỉ Bên tổ chức mua sắm để xem xét, xử lý (nhà cung cấp có thể thông báo trước cho Bên tổ chức mua sắm qua fax, e-mail...) trước thời hạn nộp HSTD 02 ngày.

Bên tổ chức mua sắm sẽ có văn bản trả lời về nội dung làm rõ đến tất cả nhà cung cấp đã nhận HSTD từ Bên tổ chức mua sắm, hoặc có thể tổ chức cuộc họp để trao đổi về những nội dung trong HSYC mà các nhà cung cấp thấy chưa rõ.

Mục 6. Sửa đổi HSYC

Trường hợp Bên tổ chức mua sắm sửa đổi HSYC, việc sửa đổi sẽ được thực hiện trước thời hạn nộp HSTD và phát hành văn bản sửa đổi HSYC tới tất cả nhà cung cấp đã nhận HSYC.

Với những trường hợp sửa đổi trọng yếu ảnh hưởng đến yêu cầu kỹ thuật và thương mại, Bên tổ chức mua sắm sẽ gia hạn thời hạn nộp HSTD.

Mục 7. Ngôn ngữ sử dụng

HSTD cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên tổ chức mua sắm và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt, trừ trường hợp nhà cung cấp có tính chất quốc tế sẽ được sử dụng bằng tiếng Anh.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSTD

HSTD của nhà cung cấp phải có hiệu lực tối thiểu là 30 ngày và được tính kể từ ngày đến hạn nộp HSTD.

Bên tổ chức mua sắm có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSTD (gia hạn hiệu lực của cả ĐXKT và ĐXTM). Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSTD của nhà cung cấp không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSTD.

Mục 9. Quy cách của HSTD và chữ ký trong HSTD

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc và 03 (ba) bản chụp HSTD ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng.
2. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản sao thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.
3. HSTD phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được.
4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký thư đăng ký tham dự.

Mục 10. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSTD

1. Bản gốc và các bản chụp của HSTD phải được đựng trong túi có niêm phong và ghi rõ tên hồ sơ phía bên ngoài túi. Đề xuất kỹ thuật và đề xuất thương mại được để riêng trong 02 túi hồ sơ riêng biệt. Việc mở và đánh giá Hồ sơ tham dự của nhà cung cấp được thực hiện 02 lần theo thứ tự Đánh giá đề xuất kỹ thuật trước và chỉ mở và đánh giá Đề xuất thương mại của nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

2. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSYC. Bên tổ chức mua sắm sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSTD nếu nhà cung cấp không thực hiện đúng chỉ dẫn..

Mục 11. Thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ

1. Thời hạn nộp HSTD là: trước 9h ngày 11/10/2021

2. Địa chỉ nhận HSTD và các văn bản liên quan trong quá trình tham dự Gói dịch vụ:

Địa chỉ: Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Tầng 3, số 18, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tel: (024) 38252526

Fax: (024) 3772 5866

Người nhận: Nguyễn Thị Thùy – Thành viên Tổ mua sắm.

Tel: 0974 912 982

3. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSTD đến địa chỉ của Bên tổ chức mua sắm nhưng phải đảm bảo Bên tổ chức mua sắm nhận được trước thời hạn nộp HSTD, HSTD được gửi đến Bên tổ chức mua sắm sau thời hạn nộp HSTD sẽ không được mở, không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà cung cấp theo nguyên trạng.

4. Bên tổ chức mua sắm có thể gia hạn thời hạn nộp HSTD trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSTD hoặc khi sửa đổi HSYC khi Bên tổ chức mua sắm xét thấy cần thiết.

5. Khi gia hạn thời hạn nộp HSTD, Bên tổ chức mua sắm sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà cung cấp đã nhận HSYC. Nhà cung cấp đã nộp HSTD có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSTD của mình.

Mục 12. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSTD

Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút, thay thế hoặc sửa đổi HSTD bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp, kèm theo nội dung thay thế hoặc sửa đổi HSTD trước thời hạn nộp HSTD.

Mục 13. Mở HSTD

1. Thời gian và địa điểm mở HSTD:

Việc mở HSTD được tiến hành công khai theo thời gian trước sự chứng kiến của đại diện các nhà cung cấp tham dự lễ mở HSTD, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà cung cấp.

2. Biên bản mở HSTD phải được ký xác nhận bởi đại diện các bên tham dự và được gửi cho các nhà cung cấp tham dự (có thể gửi qua fax, bản scan đính kèm email...).



3. Đại diện của Bên tổ chức mua sắm ký xác nhận vào bản gốc đơn tham dự, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); các nội dung quan trọng của từng HSTD.

Mục 14. Làm rõ HSTD

1. Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSTD theo yêu cầu và thời hạn của Bên tổ chức mua sắm. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên tổ chức mua sắm và phản hồi của nhà cung cấp phải được thực hiện bằng văn bản, qua fax hoặc qua email.

2. Nhà cung cấp được bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

Mục 15. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSTD

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSTD: kiểm tra số lượng, sự thống nhất của bản gốc, bản chụp và thành phần của HSTD theo quy định tại Mục 2.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSTD:

HSTD của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSTD;

b) Có đơn tham dự được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và có đầy đủ nội dung đáp ứng yêu cầu theo Mẫu đơn tham dự quy định trong HSTD;

c) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3.

Nhà cung cấp có HSTD hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về kỹ thuật và tài chính. Nhà cung cấp có HSTD không hợp lệ sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

Mục 16. Đánh giá chi tiết HSTD

1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSTD được thực hiện theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100, bao gồm các nội dung sau đây:

| STT | Nội dung đánh giá | Điểm tối đa | Điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|------------|---|-------------|---------------|----------------|
| 1 | Năng lực và kinh nghiệm công ty | 40 | | 24 |
| <i>1.1</i> | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu trong nước | 15 | Theo mức độ | |
| | - Trên 10 năm | | 15 | |
| | - Từ 5 đến 10 năm | | 10 | |
| | - Dưới 5 năm | | Theo tỷ lệ | |
| <i>1.2</i> | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu quốc tế | 15 | Theo mức độ | |
| | - Trên 10 năm | | 15 | |
| | - Từ 5 đến 10 năm | | 10 | |
| | - Dưới 5 năm | | Theo tỷ lệ | |
| <i>1.3</i> | Quy mô vốn điều lệ và lợi nhuận | 10 | | |
| | Quy mô vốn điều lệ trên 50 tỷ đồng và có lợi nhuận trong 5 năm liên tiếp | | 10 | |

| | | | | |
|------------|--|-----------|-------------|-----------|
| | Quy mô vốn điều lệ trên 50 tỷ đồng và có lợi nhuận trong ít hơn 5 năm liên tiếp | | 7 | |
| | Quy mô vốn điều lệ dưới 50 tỷ đồng và có lợi nhuận trong 5 năm liên tiếp | | 5 | |
| | Quy mô vốn điều lệ dưới 50 tỷ đồng và có lợi nhuận trong ít hơn 5 năm liên tiếp | | 0 | |
| 2 | GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN | 30 | | 18 |
| 2.1 | Am hiểu về mục tiêu và phạm vi công việc của HSMT | 5 | Theo mức độ | |
| | - Am hiểu rõ ràng về mục tiêu, phạm vi công việc của HSMT | | 5 | |
| | - Am hiểu chưa đầy đủ về mục tiêu, phạm vi công việc của HSMT | | 3 | |
| | - Không am hiểu về mục tiêu, phạm vi công việc của HSMT | | 0 | |
| 2.2 | Cách tiếp cận các nội dung công việc và phương pháp luận | 15 | | |
| | - Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dịch vụ. | | 5 | |
| | - Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ. | | 5 | |
| | - Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào thực hiện tốt công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dịch vụ). | | 5 | |
| 2.3 | Kế hoạch triển khai chi tiết | 10 | | |
| | - Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dịch vụ. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng. | | 5 | |
| | - Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. | | 3 | |
| | - Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo. | | 2 | |
| 3 | CHUYÊN GIA | 30 | | 18 |
| 3.1 | Chuyên gia cao cấp: Nếu có nhiều hơn 1 chuyên gia cao cấp thì điểm của mỗi hạng mục trong phần này sẽ được tính trung bình của điểm mỗi hạng mục của chuyên gia. | 15 | | |
| 3.1.1 | Bằng cấp | 5 | | |
| | - Trên Đại học | | 5 | |
| | - Đại học | | 3 | |
| | - Dưới Đại học | | 0 | |
| 3.1.2 | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải xăng dầu | 10 | Theo mức độ | |
| | - Trên 10 năm | | 10 | |
| | - Từ 5 đến 10 năm | | 7 | |
| | - Dưới 5 năm | | Theo tỷ lệ | |
| 3.2 | Chuyên gia: Nếu có nhiều hơn 1 chuyên gia thì điểm của mỗi hạng mục trong phần này sẽ được tính trung bình của điểm mỗi hạng mục của chuyên gia. | 10 | | |
| 3.1.1 | Bằng cấp | 3 | | |
| | - Đại học/trên Đại học | | 3 | |
| | - Dưới Đại học | | 0 | |
| 3.1.2 | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải xăng dầu | 7 | Theo mức độ | |
| | - Trên 5 năm | | 7 | |

| | | | | |
|------------|---|---|------------|------------|
| | - Từ 3 đến 5 năm | | 5 | |
| | - Dưới 3 năm | | Theo tỷ lệ | |
| 3.3 | Phân công công việc cho mỗi thành viên | 5 | | |
| | a) Phân công công việc hợp lý | | 5 | |
| | b) Có phân công công việc nhưng chưa hoàn toàn hợp lý | | 3 | |
| | c) Phân công công việc không hợp lý | | 0 | |
| | Tổng | | 100 | 70* |

2. Đánh giá về tài chính

Sử dụng thang điểm 100 thống nhất với thang điểm về kỹ thuật. Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times 100}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét.

3. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp:

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và về mặt tài chính, trong đó tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm và tỷ trọng điểm về mặt tài chính không được quy định cao hơn 30% tổng số điểm.

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = 70\% \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + 30\% \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá.

Mục 17. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa những sai sót trong HSTD bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá đề xuất. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn

giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 18 Phần này;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng tổng hợp chi phí và bảng thù lao cho chuyên gia, chi phí khác cho chuyên gia thì lấy bảng thù lao cho chuyên gia sau khi được sửa lỗi theo bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia (nếu có), chi phí khác cho chuyên gia làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong Thư đề xuất giá (không kể giảm giá) và giá trong bảng tổng hợp chi phí thì căn cứ vào giá ghi trong bảng tổng hợp chi phí sau khi bảng này được sửa lỗi theo quy định tại Mục này.

2. Sau khi sửa lỗi theo quy định tại Khoản 1 Mục này, Bên tổ chức mua sắm thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp biết về việc sửa lỗi đối với HSTD của nhà cung cấp. Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên tổ chức mua sắm, nhà cung cấp phải có văn bản thông báo cho Bên tổ chức mua sắm về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà cung cấp không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSTD của nhà cung cấp đó sẽ bị loại.

Mục 18. Hiệu chỉnh sai lệch

1. Trường hợp HSTD chào thiếu hoặc thừa nội dung so với yêu cầu của HSYC thì phải tiến hành hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

2. Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên tổ chức mua sắm thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSTD của nhà cung cấp. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên tổ chức mua sắm, nhà cung cấp phải có văn bản thông báo ý kiến của mình cho Bên tổ chức mua sắm về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà cung cấp không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để Bên tổ chức mua sắm xem xét, quyết định.

Mục 19. Bảo mật và việc tiếp xúc với Bên tổ chức mua sắm

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSTD và đề nghị nhà cung cấp được lựa chọn phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà cung cấp hay bất kỳ người nào không liên quan đến quá trình lựa chọn nhà cung cấp cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSTD của nhà cung cấp này cho nhà cung cấp khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSTD.

2. Trừ trường hợp mở HSTD, làm rõ HSTD và đàm phán hợp đồng, không nhà cung cấp nào được phép tiếp xúc với Bên tổ chức mua sắm về các vấn đề liên quan đến HSTD của mình cũng như liên quan đến gói dịch vụ trong suốt thời gian kể từ sau thời hạn nộp HSTD đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 20. Đàm phán hợp đồng

1. Việc đàm phán hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSTD;

b) HSTD và các tài liệu làm rõ HSTD (nếu có) của nhà cung cấp;

c) HSYC.

2. Thời gian tiến hành đàm phán sẽ theo thông báo của Bên tổ chức mua sắm tới nhà cung cấp, không muộn hơn 03 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà cung cấp đã đề xuất theo đúng yêu cầu của HSYC;

b) Trong quá trình thương thảo, nhà cung cấp không được thay đổi các đề xuất kỹ thuật trong HSTD, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSTD kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp này, nhà cung cấp phải đưa ra đề xuất kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn với đề xuất trong HSTD và nhà cung cấp không được thay đổi giá đề xuất.

4. Trường hợp nhà cung cấp không đến đàm phán theo thời gian quy định hoặc đàm phán nhưng không thành công; Bên tổ chức mua sắm báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung

cấp xếp hạng tiếp theo vào đàm phán; trường hợp việc đàm phán với các nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên tổ chức mua sắm có quyền hủy kết quả.

Mục 21. Điều kiện được xem xét ký hợp đồng

Nhà cung cấp được xem xét ký hợp đồng sau khi hoàn tất đàm phán hợp đồng không vượt dự toán gói dịch vụ.

Mục 22. Hủy gói dịch vụ

Bên tổ chức mua sắm được quyền hủy gói dịch vụ khi có một trong các trường hợp sau:

- Tất cả HSTD không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC
- Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC
- Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả

Khi hủy, Bên tổ chức mua sắm không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào và các nhà cung cấp không có quyền yêu cầu bồi thường chi phí, nghĩa vụ nào phát sinh cho nhà cung cấp liên quan đến quá trình tham gia gói dịch vụ.

Mục 23. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, Bên tổ chức mua sắm thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp tới các nhà cung cấp tham dự bằng văn bản, fax hoặc email.

Mục 24. Xử lý kiến nghị

Nhà cung cấp có HSTD tham dự có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp khi thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng. Đơn kiến nghị phải được gửi đến Bên tổ chức mua sắm trong vòng 5 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Bên tổ chức mua sắm sẽ có ý kiến giải quyết kiến nghị gửi đến nhà cung cấp trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà cung cấp.



PHẦN THỨ HAI: PHẠM VI CUNG CẤP

I. Mô tả chi tiết phạm vi công việc:

1. *Cung cấp báo cáo kết quả khảo sát, thu thập, phân tích số liệu khối lượng tiêu thụ vùng miền:*
 - Dự báo số liệu tổng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thị trường Việt Nam (phân bổ theo khu vực Miền Bắc/ Miền Trung/ Miền Nam) theo từng chủng loại sản phẩm (bao gồm sản phẩm Jet A1) trong năm 2021 và dự kiến năm 2022.
2. *Cung cấp báo cáo kết quả khảo sát, thu thập số liệu cước phí vận tải và phí bảo hiểm:*
 - Tổng hợp thông tin về tất cả các cỡ tàu tuyến từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam và tuyến nội địa Nghi Sơn - về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam:
 - (i) Thống kê các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - (ii) Thống kê các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu tuyến nội địa Nghi Sơn - về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
 - Cước phí vận tải theo từng cỡ tàu trên thị trường;
 - (i) Tổng hợp, dự báo số liệu cước phí vận chuyển dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
 - (ii) Tổng hợp, dự báo số liệu, cung cấp cước phí vận chuyển dự kiến năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.

Các số liệu cước phí sẽ được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.
 - Phí bảo hiểm theo các tuyến trên thị trường;
 - (i) Tổng hợp, dự báo số liệu phí bảo hiểm dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
 - (ii) Tổng hợp, dự báo số liệu phí bảo hiểm dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.

Các số liệu phí bảo hiểm được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.

II. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện dự kiến: 04 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

III. Nguồn vốn:

Nguồn chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021 của Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

PHẦN THỨ BA: CÁC BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN

Mẫu số 1

THƯ ĐĂNG KÝ THAM DỰ

Gói thầu dịch vụ

**“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn

Trên cơ sở thông tin về Kế hoạch tổ chức mua sắm và Hồ sơ yêu cầu Gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” do Quý công ty công bố, chúng tôi, ____ [*tên nhà cung cấp*], bằng Thư đăng ký tham gia này và bộ Hồ sơ tham dự đính kèm, thể hiện sự mong muốn tham gia và cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

Thời gian thực hiện hợp đồng là 04 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

Hồ sơ tham dự của chúng tôi gồm có nội dung đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về thương mại.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ tham dự này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Không thay đổi các nội dung đã đề xuất trong thời gian Hồ sơ tham dự có hiệu lực. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ tham dự là ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi ngày có thời hạn nộp HSTD*].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Mẫu số 2

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với nội dung như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành

viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSTD;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾ :

| Stt | Tên | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|------------------|-----------------------------------|---|--|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh | - _____ - _____ | - _____ % - _____ % |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | - _____ - _____ | - _____ % - _____ % |
| ... | ... | ... | ... |
| Tổng cộng | | Toàn bộ công việc của gói thầu | 100% |

Mẫu số 3

NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP

A. Thông tin chung về nhà cung cấp:

- Tên nhà cung cấp:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Trụ sở chính:
- Ngày thành lập công ty:

B. Kinh nghiệm về hợp đồng tương tự của nhà cung cấp

Các Hợp đồng tương tự do nhà cung cấp thực hiện trong vòng [Ghi số năm] năm gần đây.

| Hợp đồng tương tự | Tên khách hàng | Giá hợp đồng | Thời gian thực hiện | Tóm tắt phạm vi công việc |
|-------------------|----------------|--------------|---------------------|---------------------------|
| ... | | | | |
| ... | | | | |

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan như: bản sao hợp đồng, hóa đơn thanh toán cho dịch vụ cung cấp ... nhằm mục đích chứng minh việc có thực hiện DVTV liệt kê.

C. Năng lực tài chính:

| | Số liệu tài chính | | |
|----------------------|-------------------|-------|-----|
| | Năm 1 | Năm 2 | ... |
| Tổng tài sản | | | |
| Tổng nợ | | | |
| Giá trị tài sản ròng | | | |
| Tài sản ngắn hạn | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| Vốn lưu động | | | |
| Tổng doanh thu | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | | |
| Lợi nhuận sau thuế | | | |

Mẫu số 4
ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

1. *Xác định mục đích của công việc: NCC nêu mức độ hiểu biết về mục đích công việc và nhu cầu của Bên tổ chức mua sắm;*
2. *Cách tiếp cận và triển khai: NCC nêu phương pháp tiếp cận để triển khai dịch vụ, kế hoạch và tiến độ triển khai, phương án bố trí nhân sự.*
3. *Đề xuất bố trí nhân sự thực hiện dịch vụ:*

| Vị trí công việc | Tên nhân sự | Mô tả công việc |
|-------------------------|--------------------|---|
| | | <i>Mục này mô tả công việc mà nhân sự tại vị trí này sẽ thực hiện</i> |

Với mỗi vị trí nhân sự yêu cầu NCC cung cấp lý lịch bằng cấp và kinh nghiệm

4. *Đề xuất trang thiết bị, phương tiện thực hiện (nếu có):*

| Công việc | Loại phương tiện, công cụ | Mô tả tính năng |
|------------------|---|--|
| | <i>Mục này mô tả phương tiện, công cụ, có thể là các loại phần mềm, được sử dụng để thực hiện dịch vụ</i> | <i>Mục này mô tả tính năng của phương tiện, công cụ,</i> |

5. *Cam kết về đầu ra của dịch vụ:*

| Cam kết đầu ra | Phương pháp kiểm tra | Cam kết giảm trừ thanh toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ |
|-----------------------|-----------------------------|---|
| | | <i>Nhà cung cấp đề xuất mức % giảm trừ vào phí dịch vụ</i> |

Mẫu số 5

THƯ ĐỀ XUẤT THƯƠNG MẠI

Gói thầu dịch vụ

**“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”**

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn

Tiếp theo nội dung đề xuất về kỹ thuật trong Hồ sơ tham dự Gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”, chúng tôi xin gửi đề xuất về thương mại với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]. [đồng tiền chào giá là đồng Việt Nam] [Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các loại chi phí, thuế nếu có].

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là ____ [Ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]. Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]. [Phần này chỉ ghi nếu có giảm giá]

Đề xuất về giá này có hiệu lực trong ____ ngày [Ghi số ngày căn cứ theo thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời hạn nộp HSTD]

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 6
TỔNG HỢP CHI PHÍ

| Hạng mục | Chi phí |
|------------------------------|----------------|
| Thù lao cho chuyên gia | |
| Chi phí khác (ngoài thù lao) | |
| Thuế các loại | |
| Tổng chi phí | |

PHẦN THỨ TƯ: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

*“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”*

Số: /

GIỮA

CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN

– TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM,

VÀ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

- Tổng hợp thông tin về tất cả các cỡ tàu tuyến từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam và tuyến nội địa Nghi Sơn - về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam:
 - (i) Thống kê các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - (ii) Thống kê các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu tuyến nội địa Nghi Sơn - về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
- Cước phí vận tải theo từng cỡ tàu trên thị trường;
 - (i) Tổng hợp, dự báo số liệu cước phí vận chuyển dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
 - (ii) Tổng hợp, dự báo số liệu, cung cấp cước phí vận chuyển dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
Các số liệu cước phí sẽ được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.
- Phí bảo hiểm theo các tuyến trên thị trường;
 - (i) Tổng hợp, dự báo số liệu phí bảo hiểm dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
 - (ii) Tổng hợp, dự báo số liệu phí bảo hiểm dự kiến năm 2021 và năm 2022 đối với các tàu vận chuyển xăng dầu tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam, Việt Nam.
Các số liệu phí bảo hiểm được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.

1.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng:

04 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

ĐIỀU 2. PHÍ DỊCH VỤ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Phí dịch vụ

- (i) Phí dịch vụ là: ...
- (ii) Đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.
- (iii) **Bên A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Bên B** theo thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán quy định tại Khoản 2.2, 2.3 Điều này.

2.2 Thời hạn thanh toán

2.3 Phương thức thanh toán

Việc thanh toán được Bên A thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B phù hợp với nội dung về giá trị thanh toán theo hồ sơ thanh toán:

2.4 Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1 Quyền của Bên A

- (i) Yêu cầu **Bên B** thực hiện Công việc quy định trong Hợp đồng này theo đúng tiến độ và đáp ứng được các yêu cầu Công việc.
- (ii) Yêu cầu **Bên B** xác nhận tiến độ thực hiện Công việc tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- (iii) Yêu cầu **Bên B** bổ sung nội dung Báo cáo để phù hợp với Công việc (nếu cần thiết).
- (iv) Yêu cầu **Bên B** trình bày, bảo vệ nội dung của Báo cáo.
- (v) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu **Bên B** phải bồi thường thiệt hại nếu **Bên B** vi phạm nghĩa vụ cam kết, gây thiệt hại cho **Bên A** và không khắc phục hậu quả trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

3.2 Nghĩa vụ của Bên A

- (i) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho **Bên B** theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.
- (ii) Cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho Công việc của **Bên B**.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

4.1 Quyền của Bên B

- (i) Yêu cầu **Bên A** cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho Công việc của **Bên B** theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.
- (ii) Được hưởng phí dịch vụ quy định tại Điều 2 Hợp đồng.

4.2 Nghĩa vụ của Bên B

- (i) Thực hiện các Công việc theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng đúng thời hạn Hợp đồng;
- (ii) Chịu trách nhiệm về các nội dung của Báo cáo;
- (iii) Trình bày, bảo vệ nội dung của Báo cáo theo yêu cầu của **Bên A**;
- (iv) Chịu toàn bộ các chi phí liên quan để hoàn thành Công việc, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí thu thập tài liệu, chi phí in ấn;

- (v) Bồi thường mọi thiệt hại cho **Bên A** phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp đồng của **Bên B**.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

- (i) Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của **Bên A**, **Bên B** không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng này hoặc bất cứ thông tin, tài liệu liên quan hay sản phẩm của Công việc thực hiện theo Hợp đồng này cho một Bên thứ ba.
- (ii) **Bên A** có toàn quyền sử dụng mọi tài liệu **Bên B** cung cấp cho **Bên A**.
- (iii) Các Bên cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về bảo mật thông tin nêu tại Điều này.

ĐIỀU 6. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận bằng văn bản giữa các Bên.

6.2 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong một trong các trường hợp sau:

- (i) Khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này;
- (ii) Theo thoả thuận bằng văn bản của các Bên;
- (iii) Một Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp: Một trong các Bên vi phạm Hợp đồng này mà Bên kia đã thông báo yêu cầu khắc phục hậu quả của vi phạm nhưng Bên vi phạm không thực hiện được yêu cầu đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên yêu cầu.

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong trường hợp **Bên B** không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công việc theo Hợp đồng hoặc Công việc bị chậm tiến độ so với thời hạn quy định tại Điều 2 Hợp đồng, **Bên B** có nghĩa vụ nộp phạt cho **Bên A** với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1** Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của mỗi Bên, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, địch họa, Chính phủ trưng dụng người và thiết bị, hoặc có những thay đổi về chủ trương, chính sách đối mới doanh nghiệp nhà nước khiến các Công việc theo Hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được.
- 8.2** Bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong vòng 05 (năm) ngày lịch kể từ thời điểm phát sinh sự kiện bất khả kháng.
- 8.3** Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, Bên

bị ảnh hưởng vẫn phải nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

- 8.4 Trong trường hợp bất khả kháng, các Bên có thể thoả thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng. Nếu các Bên không có thoả thuận khác thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng được tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả.
- 8.5 Trường hợp thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày lịch, Bên không bị ảnh hưởng có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong trường hợp bất khả kháng, hai Bên sẽ nghiệm thu khối lượng Công việc thực tế và **Bên A** sẽ thực hiện thanh toán cho **Bên B** tương ứng với khối lượng Công việc thực tế được nghiệm thu.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 9.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước tiên phải được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải.
- 9.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong vòng 60 ngày lịch, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 01 (một). Địa điểm tiến hành trọng tài là Hà Nội. Ngôn ngữ dùng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

- 10.1 Thông báo giữa các Bên được thực hiện bằng văn bản tới địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc bằng email tới địa chỉ email do các Bên cung cấp.
- 10.2 Thông báo của một Bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.
- 11.2 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 11.3 Hợp đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này chỉ được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của các Bên ký. Các thay đổi, điều chỉnh này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.
- 11.4 Nếu một hoặc nhiều điều khoản trong Hợp đồng này vô hiệu hoặc không có hiệu lực, thì hành theo pháp luật hiện hành thì tính hiệu lực, tính hợp pháp của các điều khoản còn lại của Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng.
- 11.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, **Bên A** giữ

02 bản và **Bên B** giữ 02 bản để thực hiện.

**CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN
PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN - TẬP
ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Bên B

Họ tên:

Chức vụ:

